

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4/2014

Của

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI
GÒN TOURIST & CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST (“Công ty”) là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày : 27/12/2014

Thông tin liên lạc

Địa chỉ trụ sở chính: 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM

Địa chỉ địa điểm KD: 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM

Điện thoại: (+84 8)9141889

Fax: (+84 8)9141890

Website: saigontourist-stt.com

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

RyoTaro Ohtake	Chủ tịch HĐQT
Kakazu Shogo	Phó Chủ tịch
Nguyễn Kim Trung	Ủy viên
Nguyễn Văn Hồng	Ủy viên
Trần Mạnh Trí	Ủy viên

Ban Giám đốc

Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc
Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Đình Quang Phước Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Quý 4/2014.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các sổ kế toán được cập nhật, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc tiết kiệm chi phí đầu tư cũng như chi phí hoạt động kinh doanh và bảo vệ an toàn tài sản của Công ty, do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm tổn thất và thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4/2014 và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO - Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31-Dec-14	01/10/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37,711,457,273	31,736,983,290
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,668,628,174	2,601,551,460
Tiền	111		3,668,628,174	2,601,551,460
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31,759,419,069	24,729,169,445
Phải thu khách hàng	131	V.3	32,020,431,763	18,747,964,352
Trả trước cho người bán	132		1,758,363,020	3,127,080,887
Các khoản phải thu khác	135		20,680,397,523	25,827,091,554
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(22,699,773,237)	(22,972,967,348)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	365,921,537	371,342,814
Hàng tồn kho	141		589,795,422	595,216,699
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(223,873,885)	(223,873,885)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,917,488,493	4,034,919,571
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	340,863,669	1,410,852,913
Thuế GTGT được khấu trừ	152		45,099,143	45,099,143
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	234,165,224
Tài sản ngắn hạn khác	158		1,531,525,681	2,344,802,291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41,895,581,430	47,708,368,729
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		36,926,963,261	40,283,395,132
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	22,390,888,899	25,747,320,770
- Nguyên giá	222		54,611,190,470	54,611,190,470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32,220,301,571)	(28,863,869,700)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	13,750,000,000	13,750,000,000
- Nguyên giá	228		13,750,000,000	13,750,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	786,074,362	786,074,362
III. Bất động sản đầu tư	240	V.	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80,016,000	1,034,561,455
Đầu tư vào công ty con	251	V.10	-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	5,876,016,000	6,830,561,455
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.11	4,888,602,169	6,390,412,142
Chi phí trả trước dài hạn	261		642,628,625	2,147,838,598
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,570,101,744	1,570,101,744
Tài sản dài hạn khác	268		2,675,871,800	2,672,471,800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		79,607,038,703	79,445,352,019

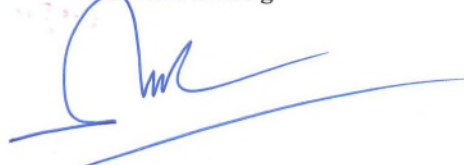
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2014	01/10/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		25,065,609,649	33,599,500,731
I. Nợ ngắn hạn	310		22,879,925,725	31,105,216,807
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	7,008,286,960	7,058,286,960
Phải trả người bán	312		999,040,932	1,709,131,242
Người mua trả tiền trước	313		747,118,177	97,364,383
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2,350,564,578	2,184,271,067
Phải trả người lao động	315		2,093,257,951	1,451,077,297
Chi phí phải trả	316	V.14	1,408,217,827	2,703,401,729
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	8,273,439,300	15,901,684,129
II. Nợ dài hạn	330		2,185,683,924	2,494,283,924
Phải trả dài hạn khác	333	V.15	1,690,047,350	1,998,647,350
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		495,636,574	495,636,574
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54,541,429,054	45,845,851,288
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	54,541,429,054	45,845,851,288
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	417		2,052,178,753	2,052,178,753
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(27,510,749,699)	(36,206,327,465)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		79,607,038,703	79,445,352,019

HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



ĐẶNG THỊ NGỌC LÀNH



KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý 4/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	VI.1	18,729,503,981	16,123,496,539
Các khoản giảm trừ	02	VI.1	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	18,729,503,981	16,123,496,539
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21,653,473,612	15,046,452,034
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2,923,969,631)	1,077,044,505
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18,581,351	24,377,808
Chi phí tài chính	22	VI.4	211,372,199	246,365,543
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		211,372,199	241,341,953
Chi phí bán hàng	24	VI.5	94,261,662	90,895,025
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3,998,214,243	3,621,194,898
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7,209,236,384)	(2,857,033,153)
Thu nhập khác	31	VI.7	19,186,113,750	161,759,833
Chi phí khác	32	VI.8	3,281,299,600	9,650,769
Lợi nhuận khác	40		15,904,814,150	152,109,064
Phân lãi (lỗ) trong c.ty liên kết, liên doanh	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,695,577,766	(2,704,924,089)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8,695,577,766	(2,704,924,089)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông c.ty mẹ	62		8,695,577,766	(2,704,924,089)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	-	-

Kế toán trưởng



ĐẶNG THỊ NGỌC LÀNH



HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Quý 4/2014

Chỉ tiêu	Ghi chú	Lũy kế Quý 4/2014	Lũy kế Quý 4 '2013
		Đơn vị tính: VND	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		1,859,001,099	(5,365,221,179)
1. Lợi nhuận trước thuế		381,432,049	(17,660,185,699)
2. Điều chỉnh cho các khoản		-	
Khấu hao tài sản cố định		7,174,441,233	5,106,255,769
Các khoản dự phòng		1,708,252,293	11,583,909,840
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(487,074,345)
Chi phí lãi vay		875,517,785	1,170,952,565
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi V.		10,139,643,360	(286,141,870)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(12,845,405,475)	2,754,882,147
(Tăng)/giảm hàng tồn kho		11,472,523	9,908,190
Tăng/(giảm) các khoản phải trả		516,418,459	(6,045,509,380)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước		1,031,694,014	(278,467,116)
Tiền lãi vay đã trả		(833,344,107)	(1,197,202,565)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(388,500,665)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4,466,058,244	65,810,080
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(627,535,919)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		-	259,152,843
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(635,110,000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	614,545,456
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	279,717,387
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		299,774,042	(3,166,793,495)
Tiền thu từ phát hành trái phiếu và đi vay		850,000,000	
Tiền chi trả nợ gốc vay		(550,225,958)	(1,604,113,040)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1,562,680,455)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2,158,775,141	(8,272,861,831)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1,509,853,033	9,782,714,864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			1,133,745
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		3,668,628,174	1,509,853,033

Kế toán trưởng

ĐẶNG THỊ NGỌC LÀNH



HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tổng Giám đốc

AKAZU SHOGO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4/2014

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST (“Công ty”) là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày : 27/12/2014

Hoạt động chính của công ty là vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh du lịch lữ hành nội bộ, quốc tế; đại lý vé máy bay, giáo dục nghề nghiệp;

Công ty có trụ sở chính 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 . Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

2 . Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/10/2014
Tiền mặt	199,177,972	745,175,553
Tiền gửi ngân hàng	3,469,450,202	1,856,375,907
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	3,668,628,174	2,601,551,460

2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2014	01/10/2014
Phải thu khách hàng (*)	32,020,431,763	18,747,964,352
Trả trước cho người bán (**)	1,758,363,020	3,127,080,887
Các khoản phải thu khác (***)	20,680,397,523	25,827,091,554
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(22,699,773,237)	(22,972,967,348)
Cộng	31,759,419,069	24,729,169,445

Chi tiết :

(*) chi tiết khoản nợ phải thu khách hàng :

	31/12/2014	01/10/2014
Cty Điện Lực TNHH BOT Phú Mỹ 3	1,164,555,700	938,241,500
Công ty BP	36,117,040	74,371,040
Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	9,612,787,236	9,727,015,124
Ngân hàng ANZ		93,280,000
Cty CP VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
Cty TNHH XD TM Ngọc Linh	24,900,000	24,900,000
HIDEO TOMIYA	15,000,000,000	
MR BAGHDAD SAYED	301,346,953	
Ban quản lý cao ốc văn phòng - Tổng Công ty Điện lực	152,350,000	
Cty TNHH Liên Doanh Hoa Việt	101,200,000	
Cty CP Latitude Tree Việt Nam	164,340,000	
Cty TNHH MTV DV DL Phú Thọ	116,602,341	150,851,800
VPDD ABBOTT LABORATORIES S.A	330,801,000	244,181,680
CTY TNHH TM KT CAO DUY KHAI	61,100,000	
VPDD NOKIA	120,822,000	
Các khoản phải thu khách hàng khác	4,555,473,018	7,217,086,733

(**) chi tiết khoản trả trước khách hàng :

	31/12/2014	01/10/2014
CTY CP XNK VIET TIEP	1,402,467,418	1,402,467,418
CN TẠI TPHCM CTY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN KTC	93,280,000	
Các khoản trả trước khách hàng khác	262,615,602	1,724,613,469

(**) chi tiết khoản phải thu khác :

	31/12/2014	01/10/2014
_ Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt	13,337,323,699	11,733,148,585
_ Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát	2,162,225,940	2,562,225,940
_ Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	45,600,000	45,600,000
_ Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	370,000,000	370,000,000
_ CN Công ty CP VC Sài Gòn Tourist tại HN		513,321,396
_ BHXH, BHYT, BHTN phải thu của tài xế taxi	102,939,590	751,332,122
_ Pacific Airline về tiền vé máy bay	21,652,105	22,105,152
CTY TNHH TM - DL HUYEN TRANG	3,231,040,000	231,040,000
CTY CP XNK VIET TIEP (TDS)	196,011,241	196,011,241
_ Phải thu khác	1,213,604,948	9,402,307,118

Chi tiết dự phòng nợ khó đòi tại ngày 31/12/2014

	31/12/2014	01/10/2014
_ Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát	2,162,225,940	2,762,225,940
_ Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	9,880,466,346	8,340,639,838
_ Cty XNK Việt Tiệp	1,600,615,657	1,600,615,657
_ Cty CP VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
_ Cty TNHH XD TM DV & XNK Nhất Việt	43,121,800	
_ Cty TNHH XD TM Ngọc Linh	36,900,000	36,900,000
_ Cty TNHH XD TM DV Toàn Gia Thịnh	328,902,238	328,902,238
_ Cty CP Đầu Tư Tài Chính Đất Việt	6,596,016,454	8,051,622,838
_ Cty Cổ Phần Tầm Nhìn	138,900,000	138,900,000
_ Cty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	370,000,000	370,000,000
CONG TY TNHH TM - DL HUYEN TRANG	115,520,000	
_ Dự phòng các khoản phải thu của các Cty khác	1,149,068,327	1,065,124,362

4 . Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/10/2014
Nguyên liệu, vật liệu khác	589,795,422	595,216,699
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(223,873,885)	(223,873,885)
Cộng	365,921,537	371,342,814

5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/10/2014
Chi phí trả trước ngắn hạn	340,863,669	1,410,852,913
Thuế GTGT được khấu trừ	45,099,143	45,099,143
Tài sản ngắn hạn khác	1,531,525,681	2,344,802,291
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		234,165,224
Cộng	1,917,488,493	4,034,919,571

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý+khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Đầu năm	1,339,428,880	383,100,041	52,676,593,866	212,067,683	54,611,190,470
Tăng trong kỳ					
Số cuối kỳ	1,339,428,880	383,100,041	52,676,593,866	212,067,683	54,611,190,470
Giá trị hao mòn					

Đầu năm	1,065,284,295	301,798,763	23,763,780,321	-85,003,041	25,045,860,338
Khấu hao trong kỳ	8,567,016	12,080,004	7,150,361,145	3,433,068	7,174,441,233
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1,073,851,311	313,878,767	30,914,141,466	-81,569,973	32,220,301,571
Giá trị còn lại					
Đầu năm	274,144,585	81,301,278	28,912,813,545	297,070,724	29,565,330,132
Số cuối kỳ	265,577,569	69,221,274	21,762,452,400	293,637,656	22,390,888,899
7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình					
Khoản mục		Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Nhãn hiệu hành hóa	Tổng cộng
Nguyên giá					
Đầu năm		13,750,000,000			13,750,000,000
Số cuối kỳ		13,750,000,000			13,750,000,000
Giá trị hao mòn					
Đầu năm		13,750,000,000			13,750,000,000
Số cuối kỳ		13,750,000,000			13,750,000,000
8. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang					
			31/12/2014	01/10/2014	
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang			786,074,362	786,074,362	
Cộng			786,074,362	786,074,362	
9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh					
			31/12/2014	01/10/2014	
Tập đoàn Radius			80,016,000	80,016,000	
Công ty TNHH TM DL Huyền Trang				3,000,000,000	
Công ty CP Ô Tô Vận Tải Vina Đông Dương			5,796,000,000	5,796,000,000	
Cộng			5,876,016,000	8,876,016,000	
10. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn					
			31/12/2014	01/10/2014	
Công ty CP Ô Tô Vận Tải Vina Đông Dương			5,796,000,000	5,796,000,000	
Cộng			5,796,000,000	5,796,000,000	
11. Tài sản dài hạn khác					
			31/12/2014	01/10/2014	
Chi phí trả trước dài hạn			642,628,625	2,147,838,598	
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			1,570,101,744	1,570,101,744	
Tài sản dài hạn khác (*)			2,675,871,800	2,675,871,800	
Cộng			4,888,602,169	6,393,812,142	
Chi tiết tài sản dài hạn khác (*)					
Ký quỹ lĩnh hành quốc tế			250,000,000	250,000,000	
Ký quỹ lĩnh hành nội địa			50,000,000	50,000,000	
Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Nhất Việt			43,121,800	43,121,800	
Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Huy Hoàng Hà			372,000,000	372,000,000	
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay -Vietnam Airlines			500,000,000	500,000,000	
Ký quỹ tiền thuê mặt bằng - Cty CP May Nam Phú			317,250,000	317,250,000	
Ký quỹ khác			1,143,500,000	1,143,500,000	
12. Vay và nợ ngắn hạn					
			31/12/2014	01/10/2014	
Vay ngắn hạn (*)			7,008,286,960	887,400,000	
Phải trả người bán			999,040,932	1,709,131,242	
Người mua trả tiền trước			747,118,177	97,364,383	
Cộng			8,754,446,069	2,693,895,625	
Chi tiết vay ngắn hạn (*)					
Ngân hàng Công thương Việt Nam			6,508,286,960	887,400,000	
Vay Các cá nhân			500,000,000		

13 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/10/2014
Thuế GTGT	1,366,494,130	172,564,826
Thuế Thu nhập cá nhân	17,532,320	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	433,176,482	433,176,482
Các loại thuế khác	533,361,646	214,762,359
Cộng	2,350,564,578	820,503,667

14 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/10/2014
Phải trả người lao động	2,093,257,951	1,451,077,297
Trích trước các khoản chi phí khác	1,408,217,827	2,703,401,729
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	8,273,439,300	15,901,684,129
Cộng	11,774,915,078	20,056,163,155
<i>Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)</i>		
_ Cổ tức năm 2008 chưa chi	412,000,657	412,000,657
_ Cổ tức năm 2010 chưa chi	2,443,460,013	2,443,460,013
_ Cổ tức năm 2011 chưa chi	851,461,245	837,319,545
Cục Quản lý lao động ngoài nước	665,253,000	665,253,000
VPDD CHEMICAL WORKS OF GEDEON RICHER PLC	311,407,273	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3,589,857,112	11,543,650,914

15 . Các khoản phải trả dài hạn khác

	31/12/2014	01/10/2014
Phải trả dài hạn khác (*)	1,690,047,350	1,998,647,350
Vay và nợ dài hạn		
Cộng	1,690,047,350	1,998,647,350
<i>(*) Chi tiết phải trả dài hạn khác</i>		
Ký quỹ của tài xế taxi	1,641,147,340	1,744,747,350
Phải trả dài hạn khác	48,900,010	253,900,000

16 . Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ đã góp	Thặng dư vốn	Quỹ dự đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	80,000,000,000		2,052,178,753	(36,206,327,465)	45,845,851,288
Biến động trong kỳ					-
Lãi trong năm				8,695,577,766	8,695,577,766
Số dư cuối kỳ	80,000,000,000		2,052,178,753	(27,510,749,699)	54,541,429,054

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
- Doanh thu từ dịch vụ vận tải	8,887,601,618	8,651,791,885
- Doanh thu từ dịch vụ bảo vệ	3,586,818,357	3,996,128,931
Doanh thu từ dịch vụ lữ hành	6,255,084,006	3,475,575,723
Cộng	18,729,503,981	16,123,496,539

Các khoản giảm trừ	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
---------------------------	-------------------	--------------------

2 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
	21,653,473,612	15,046,452,034

3 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	18,581,351	24,377,808

4 . Chi phí tài chính

	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
Chi phí lãi vay	211,372,199	246,365,543
Chi phí tài chính khác		
Cộng	211,372,199	246,365,543

5 . Chi phí bán hàng

	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
Chi phí bán hàng	94,261,662	90,895,025

6 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,998,214,243	3,621,194,898

7 . Thu nhập khác

	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
Thu nhập khác	19,186,113,750	161,759,833
Cộng	19,186,113,750	161,759,833

8 . Chi phí khác

	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
Chi phí khác	3,281,299,600	9,650,769
Cộng	3,281,299,600	9,650,769

9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

10 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại

11 . Lợi nhuận sau thuế TNDN

	Quý 4/2014	Quý 4 '2013
	8,695,577,766	(2,704,924,089)

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 4/2014 tăng hơn so Quý 4/2013 do có khoản doanh thu không thường xuyên của khoản chuyển nhượng phần góp vốn của dự án 25 Pasteur theo hợp đồng 28/HĐ/2014 ngày 11/11/2014, PLHĐ số 01 & ngày 29/12/2014

VIII. **NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1 . **Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31/12/2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2 **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn doanh nghiệp UHY . Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

HCM ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng

ĐẶNG THỊ NGỌC LÀNH

Tổng Giám đốc

KAKAZU SHOGO

